**I. Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (không thuộc đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ)**

***a) Trình tự thực hiện***

(1) Tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ gửi hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Ủy ban nhân dân tỉnh, liên thông với hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Giang.

(2) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép về việc hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định, gửi biên bản thẩm định kèm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Ủy ban nhân dân tỉnh, liên thông với hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

(3) Cấp giấy phép

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt, cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

- Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thông báo cho tổ chức về việc hoàn thành cấp giấy phép, trả giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, gửi tệp tin chứa bản chụp giấy phép cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang để phối hợp quản lý đối với các tổ chức do Sở Tài nguyên và môi trường Hà Giang thẩm định.

***b) Cách thức thực hiện:*** Tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ gửi hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Ủy ban nhân dân tỉnh, liên thông với hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh số 519, đường Nguyễn Trãi, Tổ 05 - P. Nguyễn Trãi – TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ***

*Thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Đơn đề nghị hoặc tệp tin chứa đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 10; đơn đề nghị cấp bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ;

- Bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành về đo đạc và bản đồ, bản khai hoặc tệp tin bản khai quá trình công tác của người phụ trách kỹ thuật theo Mẫu số 12, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ hoặc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ Hạng I, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm của người phụ trách kỹ thuật;

- Bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ;

- Bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính hóa đơn hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu hoặc quyền sử dụng phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ.

*Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

***d) Thời hạn giải quyết***

Không quá 06ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính***

Biên bản thẩm định Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hoặc thông báo tổ chức không đạt điều kiện cấp giấy phép (nêu rõ lý do không cấp giấy phép và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép)

***h) Lệ phí (nếu có):***

- Dưới 03 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ (HĐDVĐĐ&BĐ) đề nghị cấp phép theo quy định lệ phí là: 4.090.000đ;

- Từ 03-05 HĐDVĐĐ&BĐ lệ phí là: 5.540.000 đ;

- Từ 06-08 HĐDVĐĐ&BĐ lệ phí là: 6.030.000đ;

 - Từ 09-11 HĐDVĐĐ&BĐ lệ phí là: 6.510.000đ;

- Từ 12-14 HĐDVĐĐ&BĐ lệ phí là: 7.000.000đ

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai***

Đơn đề nghị hoặc tệp tin chứa đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

***k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Là doanh nghiệp hoặc đơn vị sự nghiệp có chức năng, nhiệm vụ hoạt động đo đạc và bản đồ;

- Người phụ trách kỹ thuật về đo đạc và bản đồ phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành về đo đạc và bản đồ; có thời gian hoạt động thực tế ít nhất là 05 năm phù hợp với ít nhất một nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoặc có chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I quy định tại Điều 53 của Luật Đo đạc bản đồ; không được đồng thời là người phụ trách kỹ thuật về đo đạc và bản đồ của tổ chức khác;

- Có số lượng nhân viên kỹ thuật được đào tạo về đo đạc và bản đồ đáp ứng yêu cầu thực hiện các nội dung đề nghị cấp giấy phép theo quy định của Chính phủ (trong đó có số lượng tối thiểu là 04 nhân viên kỹ thuật có trình độ trung cấp trở lên được đào tạo về đo đạc và bản đồ);

- Có phương tiện, thiết bị, công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với quy định trong định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ để thực hiện một sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc nội dung đề nghị cấp giấy phép.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.***

- Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

- Thông tư số: 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

- Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10/ 6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [34/2017/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-34-2017-tt-btc-muc-che-do-thu-nop-su-dung-phi-tham-dinh-cap-giay-phep-do-dac-ban-do-338682.aspx) ngày 21/4/2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và Thông tư số [196/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-196-2016-tt-btc-phi-khai-thac-su-dung-thong-tin-du-lieu-do-dac-va-ban-do-318300.aspx) ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.

**Mẫu số 10**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *…………, ngày …… tháng …… năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam - Bộ Tài nguyên và Môi trường. |

**PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG**

Tên tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: ………………… Fax: ……………………………… E-mail:

Website

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, đề nghị cơ quan quản lý chuyên ngành về đo đạc và bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ với các nội dung sau:

1.

2.

3

4

*(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp phép)*

**PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC**

**I. LỰC LƯỢNG KỸ THUẬT**

1. Lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ phân tích theo ngành nghề(1)

Đơn vị tính: Người

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ngành, nghề** | **Đại học trở lên** | **Trung cấp, cao đẳng** | **Công nhân kỹ thuật** |
| 1 | (Trắc địa) | 05 | 02 | 0 |
| 2 | (Địa chính) | ... | ... | ... |
| … | ……………… | ... | ... | ... |

2. Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách kỹ thuật

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Thâm niên(2)** |
| 1 | (Nguyễn Văn A) | (Giám đốc) | …………… | …………… |
| 2 | (Nguyễn Văn B) | (Phụ trách kỹ thuật) | (Kỹ sư trắc địa) | (05 năm) |

3. Danh sách nhân lực kỹ thuật đo đạc và bản đồ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Thâm niên(2)** |
| 1 | (Nguyễn Văn B) | (Phụ trách kỹ thuật) | (Kỹ sư trắc địa) | (05 năm) |
| 2 | (Nguyễn Văn C) | (Nhân viên) | (Trung cấp địa chính) | (03 năm) |
| 3 | ………… | ………… | ………… | ………… |
| …… | ………… | ………… | ………… | ………… |

**II. THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên, mã hiệu của thiết bị, công nghệ** | **Số lượng** | **Tình trạng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| …… | ……………… | ………… | …… | ……… |

Cam kết: …………… *(tên tổ chức)* xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Kê khai theo văn bằng chuyên môn.

(2) Tính theo thời gian sau khi tốt nghiệp của bằng cấp chuyên môn đầu tiên.

**Mẫu số 12**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------**

**BẢN KHAI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Số CMND/Căn cước công dân: ……………… ngày cấp……………… Nơi cấp

Trình độ chuyên môn:

Địa chỉ thường trú:

Đơn vị công tác:

**II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Cơ sở đào tạo** | **Bằng cấp được nhận** | **Năm tốt nghiệp** |
| Từ đến |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian**(Từ tháng, năm đến tháng, năm) | **Chức vụ, đơn vị công tác** | **Nội dung công việc đã tham gia** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP***(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)* | *……, ngày……tháng.....năm………***NGƯỜI KHAI***(Ký, họ tên)* |

**Mẫu số 15**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Ngày …… tháng …… năm …… tại …………… (Trụ sở chính của tổ chức đề nghị cấp phép), đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành về đo đạc và bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường/cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.... đã tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của……………… (tên tổ chức đề nghị cấp phép).

**Thành phần của cơ quan thẩm định**

1. ……………………………………………… (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

2. ……………………………………………… (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

**Thành phần của tổ chức đề nghị cấp giấy phép**

1. ……………………………………………… (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

2. ……………………………………………… (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

**I. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH**

1. Thẩm định sự đầy đủ, tính hợp lệ, phù hợp của hồ sơ

Kết luận về sự đầy đủ, hợp lệ, phù hợp với thực tế của các tài liệu trong hồ sơ theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm định năng lực hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức

a) Thẩm định thành phần lực lượng kỹ thuật:

(Đối chiếu số lượng và trình độ của lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ hiện có của tổ chức thể hiện trong các tài liệu như bảng lương, hợp đồng lao động, các quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nhân sự v.v... với lực lượng kỹ thuật kê khai trong hồ sơ).

Kết quả thẩm định lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ, nêu cụ thể về:

- Người phụ trách kỹ thuật: Họ và tên, chức vụ, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, hợp đồng lao động.

- Thống kê cụ thể nhân lực kỹ thuật về đo đạc và bản đồ:

Kết luận về sự phù hợp của bản kê khai trong hồ sơ với lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ của tổ chức, năng lực chuyên môn thực hiện nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ đề nghị cấp giấy phép.

b) Thẩm định năng lực thiết bị, công nghệ:

(Đối chiếu số lượng và tình trạng của thiết bị, công nghệ đo đạc và bản đồ hiện có của tổ chức với kê khai trong hồ sơ).

Kết quả thẩm định năng lực thiết bị, công nghệ, nêu cụ thể về tên, loại, số lượng của thiết bị đo đạc; các phần mềm chuyên ngành:

- Thiết bị phục vụ hoạt động đo đạc và bản đồ:

- Thiết bị tin học:

- Phần mềm:

Kết luận về năng lực thiết bị, công nghệ về đo đạc và bản đồ của tổ chức.

Kết luận về sự phù hợp của bản kê khai trong hồ sơ với lực thiết bị, công nghệ hiện có của tổ chức, khả năng đáp ứng yêu cầu thực hiện nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ đề nghị cấp giấy phép.

**II. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Kết luận

Nêu kết luận về tính hợp lệ, xác thực của hồ sơ; sự phù hợp giữa năng lực về nhân lực, thiết bị, phần mềm, công nghệ thực tế của tổ chức với kê khai trong hồ sơ.

2. Kiến nghị

Căn cứ Nghị định số ........./2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, đề nghị cơ quan quản lý chuyên ngành về đo đạc và bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho…………… (tên tổ chức) với các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ sau đây:

a)

b)

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp phép)

Biên bản này được lập thành 03 (ba) bản: 01 bản giao cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép; 01 bản lưu tại cơ quan thẩm định hồ sơ kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; 01 bản gửi cơ quan quản lý chuyên ngành về đo đạc và bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆNCƠ QUAN THẨM ĐỊNH(1)***(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)* | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨCĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP***(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)* |

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM ĐỊNH(1)**

*(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)*

***Ghi chú:***

(1) Nếu đại diện cơ quan thẩm định ký tên nhưng không được phép đóng dấu thì phải có xác nhận và ký tên, đóng dấu của lãnh đạo cơ quan thẩm định.

**Mẫu số 13**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *…………, ngày …… tháng …… năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG**

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam - Bộ Tài nguyên và Môi trường. |

**PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG**

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: ………………Fax:……………… E-mail: ……… Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập:

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số ……………………………… cấp ngày .... tháng .... năm ...

Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp phép: (các công trình đo đạc và bản đồ đã thực hiện từ năm ……… đến năm……………):

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên công trình** | **Chủ đầu tư** | **Thời gian thực hiện** | **Địa điểm thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

Căn cứ Nghị định số ………/2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, đề nghị cơ quan quản lý chuyên ngành về đo đạc và bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp bổ sung nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ như sau:

1.

2.

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp bổ sung)

**PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC**

**I. LỰC LƯỢNG KỸ THUẬT**

1. Lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ phân tích theo ngành nghề (1)

Đơn vị tính: người

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ngành, nghề** | **Đại học trở lên** | **Trung cấp, cao đẳng** | **Công nhân kỹ thuật1)** | **Thay đổi so với thời điểm được cấp giấy phép**(số lượng tăng/giảm) |
| 1 | (Trắc địa) | 07 | 01 | 0 | + 02 đại học;- 01 Trung cấp |
| 2 | … |  |  |  |  |
| 3 | … |  |  |  |  |

2. Người đại diện theo pháp luật và Người phụ trách kỹ thuật

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Ghi chú** |
| 1 | (Nguyễn Văn A) | Giám đốc | ………… | ……… |
| 2 | (Nguyễn Văn B) | Đội trưởng | Kỹ sư trắc địa | 03 năm |

3. Danh sách nhân lực kỹ thuật đo đạc và bản đồ được bổ sung

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Thâm niên(2)** |
| 1 | (Nguyễn Văn C) | (Nhân viên) | (Kỹ sư Trắc địa) | (05 năm) |
| 2 | (Nguyễn Văn D) | (Nhân viên) | (Trung cấp địa chính) | (03 năm) |
| 3 | ……………… | ……… | ……… | …………… |

**II. THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên, mã hiệu của thiết bị công nghệ** | **Số lượng** | **Tình trạng** | **Thay đổi so với thời điểm được cấp giấy phép**(Số lượng tăng/giảm) |
| 1 | (Toàn đạc điện tử) | 03 | … | + 02 |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

Cam kết: Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT***(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Kê khai theo văn bằng chuyên môn.

(2) Tính theo thời gian sau khi tốt nghiệp của bằng cấp chuyên môn đầu tiên.